

Bản án số: 96 /2019/DS-PT

Ngày: 25/7/2019

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các thẩm phán: 1. Ông Điều Văn Hằng;
2. Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiễm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST, ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7153/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Đội 1, thôn NL, xã NS, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1943; nơi cư trú: xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Đội 6, thôn CX, xã TH, thành phố HD. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Dương Đức Tr - Trung tâm tư vấn Pháp luật - Hội Luật gia tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: số 15A đường Hồng Quang, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố HD.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tiến P - Chủ tịch.

Địa chỉ: Số 106 đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn VC, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3. Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Đội 6, thôn CX, xã TH, thành phố HD. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lan, chị Nụ: Bà Nguyễn Thị H1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2016, bản tự khai, các biên bản hòa giải tại Tòa án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày:

Bố mẹ bà H là cụ Nguyễn Văn L mất năm 1968 và cụ Đỗ Thị Ph mất năm 2011. Khi mất mẹ bà là cụ Ph để lại di sản là 839m² đất có địa chỉ tại thôn CX, xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương gồm thửa đất số 310 diện tích 185m² đất ao đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H1; thửa số 307 diện tích 96m² mang tên Nguyễn Thị H; thửa số 308 diện tích 465m² mang tên Nguyễn Thị H1; thửa số 452 nay là thửa 497 diện tích 170m² đã bán một phần còn lại 78,1m² (do cụ Ph bán) đều thuộc tờ bản đồ số 5 xã TH. Trên đất có 01 căn nhà ông xây mái đổ bê tông do mẹ bà là cụ Ph xây dựng từ khoảng năm 2004-2005. Khi cụ Ph già ốm tự bà H1 đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích và đăng ký tên người đứng quyền sử dụng như trên. Cụ Ph mất không để lại di chúc phân chia di sản, trong khi đó bố mẹ chỉ có hai người con là bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H1. Bà H1 tự ý phân chia và chỉ cho bà một phần nhỏ diện tích đất của bố mẹ nên bà không đồng ý và có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo đó bà phải được ½ toàn bộ diện tích đất của mẹ bà để lại, đồng thời bà H còn đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H1 số AB 268014 diện tích 465m², số AK 734868 diện tích 185m²; mang tên Nguyễn Thị H số AG 146484 diện tích 96m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 170m² sau khi chuyển nhượng cho anh Lê Văn Th và chị Lê Thị Hương M nên diện tích còn lại là 78,1m² mang tên cụ Đỗ Thị Ph theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 875989.

Bà Nguyễn Thị H trình bày diện tích 185m² đất ao khi mua bà có gửi từ miền Nam ra 15 triệu đồng để mua của xã nên bà có quyền được hưởng.

Bà H không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất, không yêu cầu giải quyết đất 03 phần của cụ Ph.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Xác định bố mẹ bà là Nguyễn Văn L chết năm 1968, Đỗ Thị Ph chết năm 2011. Trước khi chết, vào năm 2004 -2005 cụ Ph đã chia đất cho các con theo đó phần của bà được 200m²(trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 465m² thì có 216m² đất 03 tiêu chuẩn 4 người) bà Nguyễn Thị H được 96m², phần cụ Đỗ Thị Ph 170m². Đến năm 2008 cụ Ph đã bán cho vợ chồng Anh Th chị M một phần nên diện tích còn lại là 78,1m². Lý do bà được nhiều hơn là do mẹ con bà ở cùng cụ Ph và có công sức nhiều nên được nhiều hơn bà H.

Còn diện tích 185m² đất ao là của xã TH năm 2004 bà nộp tiền mua của xã hết 27.000.000đ nên diện tích đất ao này bà đã san lấp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của riêng bà.

Như bà đã trình bày ở trên diện tích đất của bố mẹ đã chia cho các con khi cụ Ph còn sống, còn căn nhà ống xây mái bằng và các công trình phụ do vợ chồng bà xây dựng lên, căn nhà cũ lợp tre dạ của bố mẹ bà làm từ lâu đã hỏng nên không còn. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà H vì đất thừa kế chỉ còn 78,1m² mang tên cụ Đỗ Thị Ph, không đồng ý chia thừa kế là căn nhà xây mái bằng vì đó là tài sản của bà nên không phải của cụ Ph.

Ủy ban nhân dân xã TH, thành phố HD xác định diện tích 185m² đất ao thuộc quyền quản lý của xã qua các thời kỳ không phải đất của cụ Ph để lại. Năm 2004 xã TH có giao cho thôn bán lấy tiền làm điện đường của thôn, bà H1 mua hợp lệ được hợp pháp hóa và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố HD trình bày về nguồn gốc gắn liền tài sản đang có tranh chấp giữa bà H và bà H1 theo bản đồ 299 có số thửa 172 tờ bản đồ số 9 có diện tích 677m² đăng ký mang tên cụ Đỗ Thị Ph và thửa đất này đã được tách thành 03 thửa và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 146484 diện tích 96m² số thửa 307 tờ bản đồ số 5 mang tên Nguyễn Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 268014 diện tích 465m² mang tên Nguyễn Thị H1 thửa đất số 308 tờ bản đồ số 5; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 146483 diện tích 170m² tờ bản đồ số 5 mang tên cụ Đỗ Thị Ph. Tuy nhiên năm 2010 cụ Ph đã bán cho Anh Th chị M một phần là 78m² nên diện tích còn lại là 78,1m² có sự giảm diện tích so với quyền sử dụng đất theo bản đồ 299 của cụ Ph là do việc đo đạc ở thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời điểm đo bản đồ 299 bằng tay chưa

chính xác.

UBND thành phố HD xác định diện tích 185m² đất ao trước đây xã và thôn đã bán cho bà Nguyễn Thị H1 và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 là hợp lệ nên không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H1.

Diện tích đất cụ Ph bán cho Anh Th chị M theo đúng trình tự được công chứng chứng thực hợp pháp nên UBND thành phố HD đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Anh Th chị M là đúng, các bên không có yêu cầu xem xét nên UBND thành phố HD không có ý kiến quan điểm.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 146484 diện tích 96m² số thửa 307 tờ bản đồ số 5 mang tên Nguyễn Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 268014 diện tích 465m² mang tên Nguyễn Thị H1 thửa đất số 308 tờ bản đồ số 5; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 146483 diện tích 170m² tờ bản đồ số 5 mang tên cụ Đỗ Thị Ph. Do trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đúng quy định nên UBND thành phố HD có quan điểm đồng ý đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để cấp lại cho đúng trình tự.

Chị Đoàn Thị L và chị Đoàn Thị N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 là mẹ ruột trình bày xác định chị L, N có công sức đi làm đưa tiền cho mẹ để tôn tạo đất của gia đình nên đề nghị được hưởng quyền lợi công sức theo quy định. Quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết, bà H đã rút phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất tiêu chuẩn 03 của cụ Ph và tài sản là căn nhà mái bằng, công trình xây dựng trên đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST, ngày 11 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Áp dụng: Điều 98, 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 609, Điều 651, 660, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 34, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí tòa án.Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với nội dung bà Nguyễn Thị H rút yêu cầu đối với diện tích đất tiêu chuẩn 03 của cụ Ph và tài sản là căn nhà mái bằng, công trình xây dựng trên đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Xác định diện tích 185m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 734868 mang tên Nguyễn Thị H không phải là di sản thừa kế.

- Diện tích 216 m² đất tiêu chuẩn 03 nằm trong thửa 308 diện tích 465m² không phải là di sản thừa kế.

- Xác định di sản thừa kế do cụ Đỗ Thị Ph để lại gồm: 249m² đất tại thửa số 308 tờ bản đồ số 5 mang tên bà H1, diện tích 96m² đất mang tên bà H tại thửa 307 tờ bản đồ số 5, thửa đất số 497 tờ bản đồ số 5 mang tên cụ Ph sau khi bán cho Anh Th chị M diện tích còn lại là 78,1m². Tổng diện tích là 423,1m².

- Chia cho bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng diện tích 78,1m² tại thửa đất số 497 tờ bản đồ số 5 và 96m² tại thửa số 307 tờ bản đồ số 5 cùng có địa chỉ tại xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (tổng diện tích 174,1m²).

- Chia cho bà Nguyễn Thị H1 được sở hữu, sử dụng diện tích 249m² nằm trong diện tích 465m² đất tại thửa số 308 tờ bản đồ số 5 địa chỉ xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (đất chia cho bà H, bà H1 có sơ đồ kèm theo).

Giao bà H1 được tiếp tục sử dụng diện tích 216 m² là đất tiêu chuẩn 03 của bà H1, chị Nụ, chị Lan, cụ Ph.

- Bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán trả chênh lệch phần diện tích đất được hưởng nhiều hơn bằng tiền cho bà Nguyễn Thị H là 112.350.000đ (Một trăm mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu được hưởng công sức duy trì, tôn tạo của bà H1, chị Nụ, chị Lan đối với diện tích đất được xác định là di sản thừa kế chia cho bà Nguyễn Thị H.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 734868 diện tích 185m² mang tên bà Nguyễn Thị H1.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H1 số AB 268014 diện tích 465m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H số AG 146484 diện tích 96m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 875989 diện tích 78,1m² mang tên cụ Đỗ Thị Ph.

Sau khi bản án có hiệu lực, bà H, bà H1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

- Đề nghị xem xét lại việc chia thừa của bản án sơ thẩm;
- Xem xét lại giá trị đất tại vị trí tranh chấp làm căn cứ tính giá trị chênh lệch phần đất;
- Xem xét công sức của bà H1 trong việc duy trì, tôn tạo di sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn - bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn - bà H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào mới.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Khi còn sống cụ Ph đã chia tài sản cho hai người con gái cần được tôn trọng; bà H1 là người duy trì, bảo quản di sản, có công phụng dưỡng cụ Ph khi cụ còn sống nên cụ chia cho bà H1 phần tài sản nhiều hơn bà H là điều dễ hiểu và phù hợp; Mặt khác, bản án sơ thẩm đã xác định đánh đồng giá trị đất ở và đất vườn đều là 3.000.000 đồng/m² dẫn đến bà H1 phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho bà H1 không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn có quan điểm: Xác định bà H1 không có công sức tôn tạo diện tích đất là di sản thừa kế; bà H1 không công sức chăm sóc cụ Ph, vì khi còn khỏe mạnh cụ Ph còn phải trông coi, chăm sóc cho các con của bà H1... đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và trong thời hạn kháng cáo nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 đề nghị xem xét lại việc chia di sản thừa kế; công sức duy trì, tôn tạo đất; và giá đất tranh chấp để tính giá trị chênh lệch, thấy rằng: Hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện ý chí của cụ Ph về việc chia tách đất cho các con. Do đó, toàn bộ diện tích đất do cụ Ph để lại là di sản thừa kế (trừ phần đã bán cho Anh Th chị M). Bà H1 cho rằng chỉ có 78,1m² đăng ký tên người sử dụng là cụ Ph mới là di sản thừa kế là không có cơ sở. Bà H đề nghị chia di sản là 465m² đăng ký mang tên bà H1, 185m² đất ao mang tên bà H1, 96m² đất mang tên bà H tại thửa 307 tờ bản đồ số 05, diện tích 78,1m² tại thửa 452 tờ bản đồ số 05. Tuy nhiên, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TH và Ủy ban nhân dân thành phố HD cung cấp thì trong tổng diện tích 465m² thì chỉ có 249m² đất là di

sản của cụ Ph. Đối với 185m² đất ao thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã TH. Năm 2004, bà H1 mua trả tiền của xã, thôn sau này được hợp pháp hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H cho rằng có gửi 15 triệu đồng cho cụ Ph để mua nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất là di sản do cụ Ph để lại là 249m² tại thửa 308, 96m² tại thửa 307, 78,1m² tại thửa 452 cùng tờ bản đồ số 05 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định riêng giá của từng loại đất để tính giá trị chênh lệch thanh toán là không đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất của bà H còn thiếu để được xem xét giải quyết bằng tiền tương ứng với giá đất ở và buộc bị đơn phải trả với giá 3.000.000đ/1m² là không phù hợp. Do đó cần chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chia lại di sản thừa kế.

Xét yêu cầu trích trả công sức của bà H1, thấy rằng: Phần đất Tòa án giao cho nguyên đơn theo thẩm định còn thấp hơn nền 0,8m nên không có cơ sở cho rằng mẹ con bà H1 có công sức tôn tạo, duy trì đối với phần đất chia cho bà H. Nếu có việc tôn tạo đất thì cũng là phục vụ cho mục đích sử dụng của mẹ con bà H1.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm về chia di sản thừa kế và thanh toán phần chênh lệch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, của người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bản án sơ thẩm đã xác định đúng và đủ người thừa kế, chính xác về thời điểm mở thừa kế và di sản thừa kế. Việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất nông nghiệp (đất 03) và tài sản trên đất là đúng pháp luật, tôn trọng ý chí và quyền tự định đoạt của nguyên đơn - bà H; xác định quyền sử dụng đất của bà H đối với diện tích đất 185m² ao do UBND thành phố HD cấp cho bà H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK734868 là chính xác.

[2] Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 268014 diện tích 465m² mang tên Nguyễn Thị H1; số AG 146484 diện tích 96m² mang tên Nguyễn Thị H và số BA 875989 diện tích 78,1m² mang tên cụ Đỗ Thị Ph là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với quan điểm của UBND xã TH và UBND thành phố HD về việc xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất nêu trên là không đúng quy trình, không có đơn đề

nghi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Ph.

[3] Di sản thừa kế có tranh chấp cần được giải quyết trong vụ án gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích 249m² đất tại thửa đất số 308 tờ bản đồ số 5 hiện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà H1, trong đó có 200m² đất ở và 49m² đất vườn;

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích 96m² đất ở tại thửa đất số 307 tờ bản đồ số 5 hiện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà H;

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích 78,1m² đất ở tại thửa đất số 497 tờ bản đồ số 5 hiện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cụ Ph (Diện tích đất còn lại sau khi cụ Ph bán một phần đất cho Anh Th chị M).

Như vậy, di sản thừa kế gồm: Đất ở là: $(200 + 96 + 78,1) = 374,1\text{m}^2$ và 49m² đất vườn. Nếu chia đều cho bà H và bà H1, mỗi người sẽ được 187,05m² đất ở và 24,5m² đất vườn.

[4] Trên cơ sở di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đã được thẩm tra, xác minh và nhu cầu sử dụng đất thực tế của bà H và bà H1, bản án sơ thẩm đã giao cho bà H quyền sử dụng diện tích đất 78,1m² tại thửa số 497 và diện tích 96m² tại thửa số 307 cùng thuộc Tờ bản đồ số 5 xã TH, thành phố HD, tổng diện tích là 174,1m² đất ở. Chia cho bà Nguyễn Thị H1 được sở hữu, sử dụng diện tích 249m² nằm trong diện tích 465m² đất tại thửa số 308 tờ bản đồ số 5 địa chỉ xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, trong đó có diện tích 216m² là tiêu chuẩn đất nông nghiệp (03) của bà H1, chị Nụ, chị Lan, cụ Ph; còn lại 200m² đất ở và 49m² đất vườn (*Bà H1 đã xây dựng công trình, trồng cây trên đất và đang sinh sống ổn định trên thửa đất này*). Như vậy, bà H1 được giao nhiều hơn bà H 12,95m² đất ở và 24,5 m² đất vườn (so với kỹ phân thừa kế mà bà H1 được hưởng). Bản án sơ thẩm xác định bà H1 được hưởng nhiều hơn bà H 37,45m² đất ở và buộc bà H1 phải thanh toán trả chênh lệch phần diện tích đất được hưởng nhiều hơn bằng tiền cho bà Nguyễn Thị H là 112.350.000đ là không chính xác (*Kết quả định giá tại bút lục 104a thể hiện: Giá trị đất ở là 3.800.000đ/m²; giá trị đất trồng cây lâu năm là 2.000.000đ/m²; bản án sơ thẩm xác định giá trị 3.000.000đ/m²*).

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Cụ Ph và cụ L chỉ có hai người con gái là bà H và bà H1. Cụ L chết năm 1968 không để lại di chúc. Bà H lấy chồng và đi ở nơi khác, có thời gian dài sống tại miền Nam, chỉ trực tiếp chăm sóc được cụ Ph trước khi cụ qua đời khoảng 07 tháng. Bà H1 từ nhỏ đến lớn đều sống chung với cụ L và cụ Ph; có công sức trực tiếp phụng dưỡng hai cụ, nhất là với cụ Ph. Do đó kháng cáo của bà H1 và quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1 về việc áng trích công sức là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận và theo hướng áng trích công sức cho bà H1 12,95m² đất ở và 24,5 m² đất vườn; bà H1 không phải trả chênh lệch giá trị di sản thừa kế cho bà H theo như quyết định của

bản án sơ thẩm.

[6] Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Việc chịu án phí dân sự sơ thẩm được tính lại tương ứng với phần giá trị di sản thừa kế mỗi người được hưởng như sau:

- Giá trị di sản thừa kế bà H được hưởng: $(78,1\text{m}^2 + 96\text{m}^2) \times 3.800.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 661.580.000$ đồng. Án phí bà H phải chịu:

$20.000.000$ đồng $+ 4\% \times 261.580.000$ đồng $= 30.463.200$ (Ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm) đồng.

- Giá trị di sản thừa kế bà H được hưởng: $200\text{m}^2 \times 3.800.000$ đồng/ $\text{m}^2 + 49\text{m}^2 \times 2.000.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 858.000.000$ đồng. Án phí bà H1 phải chịu:

$36.000.000$ đồng $+ 3\% \times 58.000.000$ đồng $= 37.740.000$ đồng.

[7] Do Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm nên bà H1 không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự. Số tiền bà H1 nộp tạm ứng án phí phúc thẩm sẽ được hoàn trả lại cho bà H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà H1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST, ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Áp dụng: Điều 98, 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 609, Điều 651, 660, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 34, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với nội dung bà Nguyễn Thị H rút yêu cầu đối với diện tích đất tiêu chuẩn 03 của cụ Ph và tài sản là căn nhà mái bằng, công trình xây dựng trên đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Xác định diện tích 185m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 734868 mang tên Nguyễn Thị H không phải là di sản thừa kế.

- Diện tích 216m^2 đất tiêu chuẩn 03 nằm trong thửa 308 diện tích 465m^2 không phải là di sản thừa kế.

- Xác định di sản thừa kế do cụ Đỗ Thị Ph để lại gồm: 249m^2 đất tại thửa số 308 tờ bản đồ số 5 mang tên bà H1, diện tích 96m^2 đất mang tên bà H tại thửa 307

tờ bản đồ số 5, thửa đất số 497 tờ bản đồ số 5 mang tên cụ Ph sau khi bán cho Anh Th chị M diện tích còn lại là 78,1m². Tổng diện tích là 423,1m². Trong đó có 374,1m² đất ở và 49m² đất vườn.

- Áng trích công sức cho bà H1 trong việc trông nom, chăm sóc cụ Ph tương ứng với diện tích 12,95m² đất ở và 24,5 m² đất vườn tại thửa số 308 tờ bản đồ số 5.

- Chia cho bà Nguyễn Thị H1 được sử dụng diện tích 249m² nằm trong diện tích 465m² đất tại thửa số 308 tờ bản đồ số 5 địa chỉ xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Trong đó có 200m² đất ở và 49m² đất vườn.

- Giao bà H1 được tiếp tục sử dụng diện tích 216 m² là đất tiêu chuẩn 03 của bà H1, chị Nụ, chị Lan, cụ Ph nằm trong diện tích 465m² đất tại thửa số 308 tờ bản đồ số 5 địa chỉ xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Chia cho bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng diện tích đất 78,1m² tại đất số 497 tờ bản đồ số 5 và 96m² tại thửa số 307 tờ bản đồ số 5 cùng có địa chỉ tại xã TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (tổng diện tích 174,1m²).

(Đất chia cho bà H, bà H1 có sơ đồ kèm theo).

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 734868 có diện tích 185m² đất mang tên bà Nguyễn Thị H1.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H1 số AB 268014 diện tích 465m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H số AG 146484 diện tích 96m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 875989 diện tích 78,1m² mang tên cụ Đỗ Thị Ph.

Sau khi bản án có hiệu lực, bà H, bà H1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 30.463.200 (Ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm) đồng. Được đối trừ với số tiền 6.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000619 ngày 18/11/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền là 24.463.000 (Hai mươi tư triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 37.740.000 (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm

bốn mươi nghìn) đồng.

3.1. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị H1 số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001525 ngày 29/5/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh